TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN N** **TỈNH NAM ĐỊNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 114/2023/HNGĐ - ST
Ngày: 28 - 7 - 2023
V/v ly hôn giữa chị L và anh L1

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N TỈNH NAM ĐỊNH

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Phạm Hùng Phương.
Các hội thẩm nhân dân:
1. Ông Lê Đức Chạc.
2. Ông Vũ Mạnh Toàn.

***Thư ký phiên toà*:** Ông Phạm Công Trình – Thư ký Toà án nhân dân huyện N tỉnh Nam Định.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên tòa: Ông Trần Thế Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 7 năm 2023 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện N tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 66/2023/TLST - HNGĐ ngày 31 tháng 5 năm 2023 về việc xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 42/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 7 năm 2023 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1995;
Địa chỉ: Đội 2, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định.
* Bị đơn: Anh Đinh Văn L1, sinh năm 1989;
Địa chỉ: Đội 2, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định.

Tại phiên tòa vắng mặt chị L và anh L1.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại phiên toà nguyên đơn chị Nguyễn Thị L vắng mặt (Có đơn xin xét xử vắng mặt) nhưng trong đơn khởi kiện cũng như tại bản tự khai của chị Nguyễn Thị L thể hiện: Chị và anh Đinh Văn L1 đăng ký kết hôn vào kết hôn ngày 21/12/2012 tại UBND xã N, huyện N, tỉnh Nam Định. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn từ tháng 6/2015. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống từ đó vợ chồng thường xuyên xảy ra đánh chửi nhau. Mặc dù đã được hai bên gia đình hoà giải nhưng không thành. Nay chị L xác định tình cảm vợ chồng không còn nên

chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị và anh L1 được ly hôn. Về con chung: Chị L xác định giữa chị và anh L1 có 03 (ba) con chung là cháu Đinh Linh Ch, sinh ngày 21/3/2014; cháu Đinh Diệu A, sinh ngày 08/8/2016 và cháu Đinh Gia L, sinh ngày 24/10/2019 (Hiện nay cháu Ch và cháu Diệu A đang ở với anh L1 còn cháu L đang ở với chị L). Sau khi ly hôn chị Nguyễn Thị L đề nghị được nuôi cháu L và để anh L1 nuôi cháu Ch và cháu Diệu A, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng bên nào. Về tài sản chung: Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên toà hôm nay bị đơn anh Đinh Văn L1 vắng mặt (Có đơn xin xét xử vắng mặt) nhưng trong quá trình giải quyết vụ án anh L1 nộp bản tự khai thể hiện về thời gian và điều kiện kết hôn phù hợp với những điều chị L đã trình bày tại Tòa án. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống đến tháng 6/2015 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nuyên nhân là do không hợp tính cách, thường xuyên cãi chửi nhau và vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2021. Nay chị L có đơn xin ly hôn với anh thì anh xét thấy tình cảm vợ chồng không còn mục đích hôn nhân không đạt được nên cũng nhất trí ly hôn. Về con chung: Anh L1 xác định vợ chồng có 03 (ba) con chung là cháu Đinh Linh Ch, sinh ngày 21/3/2014; cháu Đinh Diệu A, sinh ngày 08/8/2016 và cháu Đinh Gia L, sinh ngày 24/10/2019. Sau khi ly hôn anh nhất trí để chị L trực tiếp nuôi dưỡng cháu L, anh xin được nuôi cháu Ch và cháu Diệu A, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung, nợ chung: Anh L1 không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N trình bày quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Việc thu thập chứng cứ, tài liệu xây dựng hồ sơ cũng như diễn biến phiên tòa Tòa án nhân dân huyện N đã tuân thủ đúng trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Về nội dung giải quyết vụ án đại diện Viện kiểm sát có quan điểm như sau: Đề nghị Tòa án áp dụng các Điều 55, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân gia đình: xử thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị L và anh Đinh Văn L1. Giao con chung là cháu Đinh Gia L, sinh ngày 24/10/2019 cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng. Giao cháu Đinh Linh Ch, sinh ngày 21/3/2014 và cháu Đinh Diệu A, sinh ngày 08/8/2016 cho anh L1 trực tiếp nuôi dưỡng, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung. Áp dụng Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội đề nghị tuyên án phí với chị L theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn anh Đinh Văn L1 đăng ký hộ khẩu thường trú tại xã N, huyện N, tỉnh Nam Định. Chị Nguyễn Thị L có đơn xin ly hôn anh Đinh Văn L1 và Tòa án nhân dân huyện N thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền. Tại phiên tòa anh L1, chị L vắng mặt nhưng anh L1, chị L đã có đơn xin xét xử vắng mặt vì vậy Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án là phù hợp với quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Việc kết hôn giữa chị Nguyễn Thị L và anh Đinh Văn L1 vào tháng 12/2012 trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N là hôn nhân tự do, tiến bộ. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc một thời gian thì chị Nguyễn Thị L và anh Đinh Văn L1 phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, bất đồng quan điểm sống từ đó vợ chồng thường xuyên cãi chửi nhau. Nay chị L xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án nhân dân huyện N giải quyết vợ chồng được ly hôn. Phía anh L1 cũng có quan điểm tình cảm vợ chồng không còn nên nhất trí ly hôn. Thấy việc thuận tình ly hôn của chị L và anh L1 là hoàn toàn tự nguyện không trái đạo đức xã hội, không vi phạm điều cấm của pháp luật, phù hợp với quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: Chị Nguyễn Thị L và anh Đinh Văn L1 thống nhất xác định vợ chồng có 03 (ba) con chung là cháu Đinh Linh Ch, sinh ngày 21/3/2014; cháu Đinh Diệu A, sinh ngày 08/8/2016 và cháu Đinh Gia L, sinh ngày 24/10/2019. Sau khi vợ chồng ly thân thì cháu Ch và cháu Diệu A đang ở với anh L1 còn cháu L đang ở với chị L. Vợ chồng ly hôn chị L và anh L1 đều có quan điểm chị L trực tiếp nuôi cháu L và anh L1 trực tiếp nuôi dưỡng cháu Ch và cháu Diệu A, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con cùng bên nào.

Hội đồng xét xử thấy: Kể từ sau khi anh L1, chị L sống ly thân thì việc nuôi dưỡng con chung của chị L, anh L1 đảm bảo sự phát triển tốt cho các c on chung. Mặt khác cháu Ch và cháu Diệu A cũng có nguyện vọng ở với bố nên được chấp nhận.

[4] Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị L và anh Đinh Văn L1 không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Nguyễn Thị L phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Xét đề nghị của Kiểm sát viên về việc giải quyết vụ án là phù hợp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 55, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 147; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ Điều 6 và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội;

[1] Xử thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị L và anh Đinh Văn L1.

[2] Về con chung: Giao con chung của vợ chồng là cháu Đinh Gia L, sinh ngày 24/10/2019 cho chị Nguyễn Thị L trực tiếp nuôi dưỡng. Giao con chung của vợ chồng là cháu Đinh Linh Ch, sinh ngày 21/3/2014 và cháu Đinh Diệu A, sinh ngày 08/8/2016 cho anh Đinh Văn L1 trực tiếp nuôi dưỡng (Hiện nay cháu Ch và cháu Diệu A đang ở với anh L1 còn cháu L đang ở với chị L). Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng bên nào. Không ai được ngăn cản quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung.

[3] Về án phí: Chị Nguyễn Thị L phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị L đã nộp theo biên lai số 0000955 ngày 31/5/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện N, chị L đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm vắng mặt nguyên đơn và bị đơn. Báo cho người vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án và người phải thi hành án có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Phạm Hùng Phương

Nơi nhận:
- Toà án nhân dân tỉnh;
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- Các đương sự;
- UBND xã N;
- Lưu văn phòng; HSVA.